

PHỤ LỤC

**DANH MỤC 145 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT
LÀ TÀI SẢN CÔNG KHÔNG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH ĐỂ Ở TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
ĐƯA VÀO KHAI THÁC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 31/2026/NQ-CP NGÀY 24/6/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Thông báo số/TB-TTQLKTN ngày tháng năm 2026
của Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng)*

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
1	Số 66 Trần Phú, phường Hải Châu	58,70	175,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
2	Số 143 Trần Phú, phường Hải Châu	77,90	438,70	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
3	Số 145 Trần Phú, phường Hải Châu	77,90	240,30	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
4	Số 123 Trường Chinh, phường An Khê	318,20	670,40	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
5	Số 289 Nguyễn Tất Thành, phường Hải Châu	250,00	894,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
6	Số 123 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu	1.479,00	273,33	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
7	Số 122 (116 cũ) Hà Huy Tập, phường Thanh Khê	521,40	648,78	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
8	Số 110 Trần Phú, phường Hải Châu	92,72	141,79	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
9	Số 07 (01 cũ) Hoàng Văn Thụ, phường Hải Châu	204,40	159,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
10	Số 218 Hải Phòng, phường Thanh Khê	40,60	35,36	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
11	Số 218/12 Hải Phòng, phường Thanh Khê	46,72	26,20	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
12	Số 52 Pasteur, phường Hải Châu	203,00	322,74	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
13	Số 25 Lê Hồng Phong, phường Hải Châu	187,20	562,70	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
14	Số 43-45 Thanh Sơn, phường Hải Châu	529,00	742,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
15	Đường Hà Đông 1, phường Xuân Hà (cũ) nay là phường Thanh Khê	125,00	347,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
16	Số 15 A Quang Trung, phường Hải Châu	185,00	548,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
17	Số 321 Hùng Vương, phường Thanh Khê - Trụ sở Trạm Y tế phường Thạch Gián (cũ)	60,00	121,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
18	Số 120 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu	74,00	292,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
19	Số 38 Nguyễn Đức Trung, phường Thanh Khê - Trụ sở Phòng Dân số (cũ)	120,00	240,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
20	Số 1120 Ngô Quyền, phường An Hải	2.217,00	782,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
21	Số 58 Phan Châu Trinh, phường Hải Châu	102,00	318,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
22	Số 103 Hùng Vương, phường Hải Châu	1.794,00	2.055,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
23	Số 29 Ông Ích Khiêm, phường Hải Châu - Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Thanh Bình (cũ)	60,00	240,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
24	Số 70 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê - Nhà làm việc của Hội đoàn thể (cũ)	109,00	223,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
25	Số 533 Lê Văn Hiến, Hoà Hải, phường Ngũ Hành Sơn - Phòng Y tế phường Ngũ Hành Sơn	196,00	120,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
26	Số 82 Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ - Hội Chữ thập đỏ quận Cẩm Lệ (cũ)	156,00	286,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
27	Số 56 Hùng Vương, phường Bàn Thạch - Trụ sở Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Nam (cũ)	1.680,00	756,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
28	Số 18 Lê Lai, phường Tam kỳ - Trụ sở Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Quyền trẻ em và Bệnh nhân nghèo (cũ)	520,00	532,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
29	Số 09 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch (Trụ sở Sở Dân tộc Tôn giáo cũ)	2.125,00	1.226,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
30	Cơ sở 102 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch (Trụ sở VP Sở Tài chính cũ)	3.864,00	3.716,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
31	Cơ sở 30 Hùng Vương, phường Bàn Thạch (Trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng cũ)	4.828,00	1.063,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
32	Số 54 Hùng Vương, phường Bàn Thạch (Trụ sở VP Sở KHCN cũ)	1.695,00	1.868,64	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
33	số 07 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch (Trụ sở VP Sở Công thương cũ)	4.629,40	2.274,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
34	Tổ 15, Khối An Bang, Phường Hội An Tây - Trụ sở Trung tâm nuôi dưỡng người có công (cũ)	3.551,50	613,80	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
35	210/1 Lý Thường Kiệt, phường Tam Kỳ - Trụ sở Trung tâm công tác xã hội (cũ)	2.351,00	661,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
36	Đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Quảng Phú - Trụ sở Trung tâm kiểm soát bệnh tật (cũ)	2.625,00	2.822,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
37	Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Quảng Phú - Trụ sở Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm (cũ)	2.787,00	719,10	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
38	Số 24 Trần Phú, phường Bàn Thạch - Chi cục dân số kế hoạch hóa (cũ)	996,50	829,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
39	Số 22 Trần Phú, phường Bàn Thạch (Trụ sở Hội chữ thập đỏ cũ)	1.000,00	682,37	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
40	Số 09 Hùng Vương, phường Tam Kỳ (Trụ sở Trung tâm phòng ngừa ứng phó thảm họa cũ)	400,00	277,75	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
41	Xã Nam Phước (Trụ sở Trung tâm phòng ngừa ứng phó thảm họa cũ)	305,20	269,60	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
42	Số 604 Phan Chu Trinh, phường Hương Trà - Trụ sở Hội Người mù (cũ)	151,96	177,60	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
43	Số 26 Trần Phú, phường Bàn Thạch (Trụ sở Liên minh Hợp tác xã cũ)	1.000,00	880,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
44	Số 11 Hùng Vương, phường Tam Kỳ - Trụ sở Hội Nhà báo (cũ)	1.044,70	589,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
45	Đường 24/3 nối dài, phường Tam Kỳ - Trụ sở Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh (cũ)	3.032,00	787,74	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
46	Số 574A Trần Cao Vân, phường Thanh Khê - Trụ sở cơ quan BHXH (cũ)	226,70	345,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
47	Xã Đại Lộc - Trụ sở cơ quan BHXH (cũ)	1.037,00	1.362,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
48	Đường Lê Văn Tâm, xã Núi Thành - Trụ sở BHXH (cũ)	1.052,90	1.000,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
49	Trụ sở làm việc của Thống kê cơ sở Quê Sơn thuộc Thống kê TP Đà Nẵng cũ (địa chỉ: Thôn Trung Hạ, xã Nông Sơn)	1.000,00	326,11	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
50	(Trụ sở Thuế cơ sở 8 cũ) – Xã Thăng Bình	120,00	60,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
51	Số 594 Hùng Vương, phường Hương Trà - Trụ sở Thuế TP Đà Nẵng (cũ)	7.456,00	7.954,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
52	(Trụ sở Thuế cơ sở 7 cũ) – Xã Nam Phước	2.905,00	2.269,20	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
53	(Trụ sở Thuế cơ sở 6 cũ) – Khu Nghĩa Phước, xã Đại Lộc	167,50	167,50	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
54	(Trụ sở Thuế cơ sở 7 cũ) – Thôn Phong Thử, xã Điện Bàn Tây	76,00	101,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
55	(Trụ sở Thuế cơ sở 8 cũ) – Thôn Thuận An, xã Quê Sơn	198,60	48,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
56	Số 404 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh - Trụ sở Thuế cơ sở 1 (cũ)	119,00	55,90	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
57	Số 902 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh - Trụ sở Thuế cơ sở 1 (cũ)	86,40	99,50	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
58	Số 90 đường Nguyễn Nhân, phường Cẩm Lệ - Trụ sở Thuế cơ sở 3 (cũ)	132,40	63,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
59	Thôn Dương Sơn, xã Hòa Tiến (Trụ sở Thuế cơ sở 3 cũ)	125,90	48,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
60	Số 485 Tôn Đức, phường An Khê (Trụ sở Thuế cơ sở 4 cũ)	205,90	61,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
61	Xã Nam Trà My (Trụ sở Thuế cơ sở 10 cũ)	3.349,00	546,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
62	(Trụ sở làm việc Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà cũ, trước đây là Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Kỳ Hà) - xã Núi Thành	5.414,70	1.657,60	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
63	Số 18B Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch (Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Chi cục Thi hành án dân sự TP Tam Kỳ cũ)	556,00	795,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
64	Số 19 đường Hồ Chí Minh, xã Khâm Đức (Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Sơn cũ)	888,00	251,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
65	Số 66 Hùng Vương, phường Tam Kỳ - Trụ sở VKSND thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (cũ)	1.870,00	836,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
66	VKSND huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: đường Ngô Tuấn, thôn Lãnh Thượng 1, xã Quế Sơn	2.982,00	1.168,60	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
67	VKSND huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: thôn Lãnh Thượng 1, xã Quế Sơn	2.455,00	1.093,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
68	VKSND huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: thôn 3, xã Khâm Đức,	1.569,80	932,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
69	VKSND huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: 472 Hùng Vương, thôn Mỹ Hòa, xã Nam Phước	931,00	651,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
70	VKSND huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (cũ), địa chỉ: thôn Agrông, xã Tây Giang,	1.761,00	930,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
71	Trạm Tam Thăng, phường Bàn Thạch (Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung cũ)	611,00	144,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
72	Số 436 Hùng Vương, xã Nam Phước - KBNN Duy Xuyên (cũ)	1.213,70	734,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
73	Trụ sở làm việc KBNN Nam Trà My cũ Địa chỉ: xã Nam Trà My (trước đây là Xã Trà Mai, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam)	3.540,00	810,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
74	Trụ sở làm việc KBNN Bắc Trà My (cũ). Địa chỉ: xã Trà My, TP Đà Nẵng (trước đây là TT Trà My, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam)	1.769,50	745,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
75	Trụ sở làm việc KBNN Phước Sơn (cũ). Địa chỉ: Thửa đất số 12, tờ bản đồ 05, xã Khâm Đức (trước đây là TT Khâm Đức, huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam)	1.188,00	900,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
76	Trụ sở làm việc KBNN Đại Lộc (cũ) Địa chỉ: xã Đại Lộc, TP Đà Nẵng (trước đây là TT Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam)	1.456,70	626,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
77	Trụ sở làm việc KBNN Thăng Bình (cũ) Địa chỉ: xã Thăng Bình, TP Đà Nẵng (trước đây là TT Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam)	1.337,50	535,40	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
78	Trụ sở làm việc KBNN Hiệp Đức (cũ). Địa chỉ: Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10, xã Hiệp Đức (trước đây là TT Tân Bình, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam)	1.760,00	960,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
79	Trụ sở làm việc KBNN Núi Thành (cũ). Địa chỉ: xã Núi Thành (trước đây là Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam)	2.192,00	1.013,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
80	Trụ sở làm việc KBNN Thanh Khê (cũ). Địa chỉ: số 180 Nguyễn Đình Tự, phường An Khê(trước đây là 180 Nguyễn Đình Tự, Quận Thanh Khê)	645,00	885,60	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
81	Trạm Bảo vệ thực vật Duy Xuyên cũ, thôn Mỹ Hòa, xã Duy Xuyên	250,30	334,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
82	UBND thị trấn Tân Bình (cũ), cơ sở 4, thôn An Đông, xã Hiệp Đức	90,00	51,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
83	Cơ sở 2 Trường Mẫu giáo Bình Minh cũ, Thôn Phú Nhơn, xã Hiệp Đức	875,00	126,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
84	Trụ sở UBND xã Quế Minh (cũ), xã Quế Sơn	5.020,00	1.000,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
85	Số 01 Phan Đăng Lưu, phường Tam Kỳ -Trụ sở Tổ chức Hội (cũ)	960,00	1.544,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
86	Trụ sở làm việc UBND phường Trường Xuân (cũ) nay là phường Tam Kỳ	2.922,20	845,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
87	Số 06 Trần Quý Cáp, phường Bàn Thạch -Trụ sở Phòng Giáo dục và đào tạo thành phố (cũ)	1.262,40	1.585,10	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
88	Số 158 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch (Trụ sở Kho bạc nhà nước Tam Kỳ cũ)	3.720,50	1.035,10	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
89	Trường Mẫu giáo Hoa Sen (cũ) (thôn Mỹ Cang, xã Tam Thăng) phường Bàn Thạch	442,30	120,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
90	Số 88 Hoàng Diệu, phường Hải Châu (Kho bảo quản hàng hóa tạm giữ, tịch thu của Đội QLTT số 2 cũ)	207,80	638,80	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
91	Số K122/3 Quang Trung, phường Hải Châu (Kho bảo quản hàng hóa tạm giữ, tịch thu của Đội QLTT số 4 cũ)	90,60	271,80	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
92	Số 08 Chu Cẩm Phong, phường Ngũ Hành Sơn (Kho bảo quản hàng hóa tạm giữ, tịch thu của Đội QLTT số 4 cũ)	306,00	286,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
93	Đường Quảng Xương, thôn Túy Loan, xã Hòa Vang (Kho bảo quản hàng hóa tạm giữ, tịch thu của Đội QLTT số 6 cũ)	525,00	306,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
94	Số 01 Hùng Vương, phường Tam Kỳ	1.800,00	2.605,20	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
95	Số 84 Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch	754,00	466,98	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
96	Số 08 Nguyễn Chí Thanh, phường Bàn Thạch	3.219,90	2.218,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
97	Số 425 Hoàng Diệu - phường Hòa Cường (chung Hội người mù thành phố cũ)	106,00	259,50	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
98	Cơ sở 2 Trường MN Hòa Sơn cũ, An Ngãi Đông, phường Hòa Khánh	1.192,00	428,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
99	Số 115 Trần Khát Chân, phường Sơn Trà (Hội người mù quận Sơn Trà cũ)	115,00	224,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
100	Tổ dân phố Bàu Ốc, phường Hội An Tây (Cơ sở 2, Trường Tiểu học Lê Độ cũ)	2.523,50	320,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
101	UBND phường Điện Phương (cũ), phường Điện Bàn	2.979,00	1.396,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
102	Số 100 Trần Cao Vân, Vĩnh Điện, Điện Bàn (Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp cũ)	360,00	235,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
103	Số 87 Mẹ Thù, Vĩnh Điện Điện Bàn (Đội kiểm tra quy tắc đô thị thị xã Điện Bàn cũ)	761,30	427,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
104	Số 364 Trần Nhân Tông, Vĩnh Điện Điện Bàn (Hội chữ thập đỏ cũ)	175,00	88,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
105	Số 166 Trần Nhân Tông, Vĩnh Điện Điện Bàn (Đội thuế liên xã Minh Phương cũ)	380,00	133,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
106	Thôn Agrong, xã Tây Giang, thành phố Đà Nẵng (Nhà khách UBND huyện Tây Giang cũ)	4.214,00	300,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
107	Trường Mẫu Giáo Hoa Mai cũ (Tổ dân phố Đoan Trai), phường Bàn Thạch	336,00	115,07	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
108	Số 215 Hùng Vương, phường Tam Kỳ - Trụ sở Đài Truyền thanh - Truyền hình TP Tam Kỳ (cũ)	1.256,06	498,87	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
109	Đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Quảng Phú - Trung tâm Pháp y thành phố, Sở Y tế (cũ)	2.026,00	871,19	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
110	Trụ sở Hội người cao tuổi tỉnh tại phường An Phú (cũ), phường Quảng Phú	19.943,00	660,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
111	Số 14 Trần Phú, phường Bàn Thạch - Trụ sở UB mặt trận tỉnh Quảng Nam (cũ)	3.470,40	2.767,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
112	Số 18B Trần Phú, phường Bàn Thạch - Trụ sở Hội nông dân tỉnh Quảng Nam (cũ)	1.063,00	886,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
113	Số 18 Trần Phú, phường Bàn Thạch - Trụ sở Hội Liên Hiệp phụ nữ Tỉnh Quảng Nam (cũ)	1.013,00	865,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
114	Số 20 Trần Phú, phường Bàn Thạch - Trụ sở Hội Cựu chiến binh tỉnh Quảng Nam (cũ)	3.470,40	1.540,40	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
115	Đường ĐT 617, Phái Nhơn xã Núi Thành - Trụ sở nhà làm việc xã Tam Hiệp (cũ)	3.094,90	412,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
116	Đường Lê Thánh Tông, Khối 3, xã Núi Thành - Trụ sở Phòng giáo dục huyện (cũ)	5.000,00	1.055,74	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
117	Thôn Đông Xuân xã Núi Thành - Trụ sở UBND xã Tam Giang (cũ)	4.020,00	1.166,60	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
118	QL1A thôn Vân Thạch, xã Núi Thành - Trụ sở UBND xã Tam Hiệp (cũ)	10.609,00	1.723,44	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
119	Cơ sở nhà, đất số 37 Trần Hưng Đạo, phường Bàn Thạch (Quyền SDD số CQ 386859 cấp ngày 24/9/2019)	683,10	352,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
120	Cơ sở nhà, đất số 258 Hùng Vương, phường Tam Kỳ (Quyền sử dụng đất số C204982, cấp ngày 11/01/1994, theo trích lục bản đồ địa chính ngày 09/7/2019)	2.721,30	1.453,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
121	Nhà, đất 172 Bạch Đằng, phường Hải Châu	69,50	120,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
122	Tổ dân phố Giáng Nam 2, phường Hòa Xuân (Trường Tiểu học Hòa Phước 2 cũ)	1.102,00	576,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
123	97 Lý Thái Tổ, phường Thanh Khê	203,40	777,70	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
124	Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp (cũ) (cơ sở tại 83-85 Nguyễn Hoàng). Địa chỉ: xã Thăng Bình	1.132,00	832,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
125	Số 292 Tiểu La, xã Thăng Bình (Phòng Tài chính-Kế hoạch cũ)	752,00	505,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
126	Trụ sở Đội thuế xã Quế Trung (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	51,00	51,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
127	Trụ sở làm việc Đài TTTH (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	1.000,00	104,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
128	Trụ sở làm việc khối các tổ chức Hội (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	462,0	238,0	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
129	Trụ sở làm việc khối MTĐT (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	5.025,00	1.378,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
130	Điểm trường MG thôn Trung Phước 2 (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	120,00	100,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
131	Điểm trường Mẫu giáo thôn Trung Nam (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	409,50	56,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
132	Trụ sở làm việc HĐND xã Quế Lộc (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	1.957,00	1.774,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm

STT	Địa chỉ nhà đất	Diện tích đất m2	Diện tích (m2) sàn sử dụng nhà	Phương thức khai thác	Thời hạn cho thuê
133	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Sơn Viên (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	6.032,00	1.574,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
134	Điểm trường MG Hương Sen cũ (Phân hiệu Đại An). Địa chỉ: xã Nông Sơn	600,00	140,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
135	Trụ sở Đội thuế Quế Lộc (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	240,00	58,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
136	Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Sơn (cũ). Địa chỉ xã Nông Sơn	1.969,40	577,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
137	Chi cục Thuế huyện Nông Sơn (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	3.375,00	1.430,70	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
138	Kho bạc Nhà nước Nông Sơn (cũ). Địa chỉ: xã Nông Sơn	3.450,00	900,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
139	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Quế Trung cũ. Địa chỉ: xã Nông Sơn	691,00	334,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
140	Trường TH Hoàng Diệu Phân hiệu thôn Trung An cũ. Địa chỉ: xã Nông Sơn	500,00	100,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
141	Nhà quản lý số 2 hồ Đông Tiến cũ. Địa chỉ: thôn Bình An, xã Đồng Dương	172,80	67,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
142	Số 78 Hùng Vương, phường Tam Kỳ (Quỹ bảo vệ và phát triển rừng thành phố cũ)	1.425,40	1.351,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
143	Số 144 Trần Phú, phường Hải Châu	115,50	373,20	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
144	Số 02 An Mỹ 8, phường An Hải (Cơ sở nhà, đất thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 (Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà (cũ)	534,90	300,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
145	Số 136 Võ Chí Công, xã Hiệp Đức (Cơ sở nhà, đất Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức (cũ)	1.575,00	251,00	Chào giá cạnh tranh hoặc niêm yết giá	Tối đa 10 năm
TỔNG CỘNG		226.730,56	106.692,72		